TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 569/2022/HC-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2023
V/v: Khởi kiện QĐ hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán Ông Tô Chánh Trung

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa trực tuyến xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số : 183/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc khiếu kiện *"*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc trường hợp thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 802/2023/QĐPT-HC ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 408/2023/QĐPT-HC ngày 23 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Phiên tòa được tiến hành tại 02 điểm cầu, điểm cầu trung tâm là Phòng xử án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; điểm cầu thành phần là phòng xử của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tại điểm cầu thành phần gồm có:

1. Người khởi kiện: Ông Tạ Văn N, sinh năm 1965 và bà Tiêu Thu S, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: số 95 Đ, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Tiêu Thị Ngọc T, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 458/50 đường L, quận 1X, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Người bị kiện: UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V. Địa chỉ số 89 L, phường X, thành phố Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Vũ T1 - Chủ tịch UBND thành phố V (vắng mặt, có đơn đề nghị xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Phương T2, Chuyên viên Phòng T, thành phố Vũng Tàu (có mặt)

Người kháng cáo: Người bị kiện - UBND thành phố V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Ngày 10-10-1988, UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo cấp đất cho ông Trần Văn A diện tích 90,3m^2, toạ lạc tại số 9/9H hẻm Tự Do, phường 6, thành phố Vũng Tàu.

Năm 1990, ông A sang nhượng đất cho ông N. Vì thời điểm đó đất được cấp không cho sang nhượng nên quá trình làm thủ tục xây dựng, cấp chủ quyền nhà đều do ông Trần Văn A đứng tên thay ông N.

Ngày 30-06-1990, ông N được UBND Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo cấp Giấy phép xây dựng số: 156/GPXD, kèm Giấy phép xây dựng này có bản vẽ thiết kế phê duyệt của Sở Xây dựng Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo (gọi tắt là: Sở Xây dựng). Trong giấy phép này, phần diện tích nhà ở ông A được cấp phép xây dựng là 60,2m^2.

Ngày 16-08-1990, khởi công xây dựng nhà theo Giấy phép đã cấp.

Ngày 27-06-1991, Sở Xây dựng có cử 01 nhân viên xuống kiểm tra hiện trạng nhà và đã xác nhận nhà xây dựng đúng thiết kế được phê duyệt, có bút phê xác nhận còn lưu trong bản chính của Bản vẽ xây dựng, hiện ông N vẫn còn giữ. Theo đó, trong Giấy phép xây dựng có đề cập *"Giới hạn cho phép xây dựng cách tim hẻm tối thiểu là 5.5m"*

Ngày 10-09-1991, Sở Xây dựng cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà đất cho ông Trần Văn A, đến ngày 24-07-1992, UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận cho ông N.

Ngày 10-09-1992, UBND phường 6 cấp cho ông N Giấy chứng nhận đăng ký đất đai, số thửa là 323, tờ bản đồ số 04, được quyền sử dụng là 100m^2, Giấy

chứng nhận do Phó Chủ tịch ký. Do vậy từ năm 1992 đến năm 2013 (21 năm) ông N liên tục đóng thuế đất đối với đất có diện tích sử dụng là 100m^2. Trong Giấy chứng nhận của UBND phường 6 có ghi nhận *"Chứng nhận này là một điều kiện để Uỷ ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*. Tuy nhiên, ngày 11-06-1999, UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lại cấp cho cho ông N Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất là 96m^2. Ông khẳng định rằng, từ năm 1992 đến năm 2013 đều đóng thuế với đất có diện tích là 100m^2.

Lý do khởi kiện:

Đối với phần nhà ở đã xây dựng, ông N xây dựng theo đúng Giấy phép xây dựng số 156/GPXD cấp ngày 30-06-1990 là 60m^2. Riêng phần nhà bếp phía sau được cải tạo và san lấp bãi sình, mương nước do hậu quả của cơn bão số 9 năm 2006, do đó hiện trạng nhà vẫn còn hai phần nhà cũ, mới riêng biệt. Phần nhà cũ xây đúng theo diện tích đất đã xin phép, phần xây dựng mới là phần đã được trùng tu sau này. Sau khi cải tạo nhà thì gia đình ông ở liền 30 năm cho đến nay, không hề phát sinh bất kì tranh chấp ranh giới đất nào.

Nhà xây có giấy phép, có bản vẽ thiết kế đính kèm, tại thời điểm đó Nhà nước quy hoạch chiều rộng đường hẻm Tự Do là 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 2,5m, giới hạn xây dựng cách tim đường là 5,5m. Theo như quy định thì việc xây dựng của ông N là hợp pháp, không phải lấn chiếm, bởi vì nếu vi phạm quy định thì Nhà nước và các Cơ quan có thẩm quyền đã không cấp phép cho xây dựng.

Hiện nay, sau khi quy hoạch thì đường Hoàng Việt mở rộng thành 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m, giới hạn xây dựng cách tim đường là 7,5m do đó phần đất sử dụng hợp pháp và kiến trúc gắn liền trên đất của ông N bị thu hồi, do đó Nhà nước phải có phương án bồi thường hợp lý cho gia đình ông N.

Ngày 06-01-2021, ông N nộp đơn khiếu nại Quyết định số 7027 và Quyết định số 7046 của Uỷ ban nhân dân thành phố V.

Ngày 21-06-2021, Thanh tra thành phố Vũng Tàu đã tiến hành xác minh đơn và tổ chức đối thoại. Tuy nhiên, Thanh tra viện dẫn do không cung cấp được chứng từ xác định toạ độ bản đồ, toạ độ tim hẻm cũ và bản vẽ hoàn công chứng minh vị trí của Giấy phép xây dựng số 156/GPXD cấp ngày 30-06-1990 nên không tiếp tục giải quyết yêu cầu của ông N. Ông N không đồng ý, vì thời điểm đó không có quy định nhà xây xong phải có bản vẽ hoàn công.

Ngày 12-07-2021, ông N nhận được Quyết định số 8558 về việc giải quyết khiếu nại. UBND thành phố V cho rằng đất gia đình ông N đang sử dụng là đất quy hoạch giao thông do Nhà nước quản lý, do gia đình tự bao chiếm sử dụng nên

không đủ điều kiện nhận bồi thường, đồng thời bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại.

Do đó, ông N, bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên hủy các quyết định sau :

- Quyết định số 7046/QĐ-UBND ngày 24-12-2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S. Địa chỉ thu hồi đất: số 95 Hoàng Việt, phường Thắng Nhì, Tp Vũng Tàu, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, phường T, thành phố V" (*gọi tắt là QĐ 7046*);

- Quyết định số 8558/QĐ-UBND ngày 12-07-2021 của Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "Giải quyết khiếu nại của ông (bà) Tiêu Thu S. Địa chỉ số 95 Hoàng Việt, phường T, thành phố V" (*gọi tắt là QĐ 8558*);

- Buộc UBND thành phố V bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích đất bị thu hồi là 15,0m^2 đất ở; bồi thường về nhà, vật kiến trúc có trên đất đã bị tháo giỡ và hỗ trợ về các khoản khác.

Đại diện hợp pháp của những người bị kiện - UBND và Chủ tịch UBND thành phố V trình bày:

1. Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Ngày 10-10-1988, Phòng Quản lý ruộng đất Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo xác nhận xét cấp cho ông Trần Văn A diện tích 90,0m^2. Theo Sơ đồ vị trí khu đất thì phần diện tích đất cấp này có kích thước 21m x 4,3m = 90,3m^2.

Đến năm 1992, ông A chuyển nhượng cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S sử dụng và được Sở Xây dựng Đặc khu Vũng Tàu Côn Đảo cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất số 1523/CNSH ngày 24-7-1992 và đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N 476187 ngày 11-6-1999 với diện tích 96,0m^2 đất ở, thửa đất số 323, tờ số 4 bản đồ địa chính phường 6 cũ.

Tại sổ đăng ký đất đai phường 6 được Ban Quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xác nhận ngày 17-5-1993 có tên ông Tạ Văn N kê khai đăng ký sử dụng với diện tích 100,0m^2 đất "TC" thuộc thửa đất số 232, tờ số 04 bản đồ địa chính phường 6 cũ.

Đối với phần diện tích 15,0m^2 đất thu hồi để Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đường Hoàng Việt thì phần diện tích này không thuộc Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số N 476187 ngày 11-6-1999.

Đối chiếu bản đồ địa chính năm 1993, phần diện tích đất 15,0m^2 thu hồi không thuộc thửa 323, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính phường 6 do ông Tạ Văn N đứng tên kê khai với 100,0m^2 đất "TC".

Đối chiếu bản đồ địa chính năm 2002, phần diện tích 15,0m^2 không thuộc thửa 81, tờ số 07 bản đồ địa chính phường Thắng Nhì, thuộc đường Giao thông, đất do nhà nước quản lý.

2. Quá trình thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và giải quyết khiếu nại của các cơ quan chức năng:

Dự án Đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp đường Hoàng Việt, phường Thắng Nhì được UBND thành phố V phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 5752/QĐ-UBND ngày 30-10-2019.

Ngày 29-6-2020, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 4302/TB-UBND về việc thu hồi 15,0m^2 đất tại phường Thắng Nhì do ông N, bà S đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt.

Ngày 24-12-2020, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 7046/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông N, bà S (*gọi tắt là QĐ 7046*). Diện tích thu hồi 15,0m^2 không được bồi thường do nằm ngoài diện tích được cấp giấy chứng nhận, thuộc đường giao thông theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013; không bồi thường nhà, vật kiến trúc do xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường. Bồi thường hoa màu, hỗ trợ di dời đồng hồ nước, đồng hồ điện với tổng kinh phí bồi thường là 1.100.000 đồng.

Không đồng ý với quyết đinh trên, ông N, bà S đã có đơn khiếu nại và được Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 8558/QĐ-UBND ngày 12-7-2021 (*gọi tắt là QĐ 8558*) bác toàn bộ khiếu nại của ông N, bà S; giữ nguyên Quyết định số 7046.

Như nội dung trình bày ở trên thì phần diện tích 15,0m^2 thu hồi không thuộc GCNQSD đất số N 476187 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 11/6/1999; không thuộc thửa 323, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính phường 6 do ông N đứng tên kê khai với 100,0m^2 đất "TC". Tại bản đồ địa chính năm 2002, thì phần diện tích thu hồi này không thuộc thửa 81, tờ số 07 bản đồ địa chính phường Thắng Nhì, thuộc đường giao thông, đất do Nhà nước quản lý, ông N tự bao chiếm sử dụng và không cung cấp được chứng cứ sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ, do đó không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

Việc UBND và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7046 và Quyết định số 8558 là đúng quy định của pháp luật.

Từ những viện dẫn ở trên, căn cứ hồ sơ vụ việc, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Tạ Văn N, bà Tiêu Thu S; Giữ nguyên Quyết định số 7046 và Quyết định số 8558.

Tại Bản án số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn N và bà Tiêu Thu S;

1.1. Hủy Quyết định số 7046/QĐ-UBND ngày 24-12-2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "*Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S, địa chỉ thu hồi đất: số 95 Hoàng Việt, phường T, thành phố V, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, phường T, thành phố V*".

1.2. Hủy Quyết định số 8558/QĐ-UBND ngày 12-07-2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "*Giải quyết khiếu nại của ông (bà) Tiêu Thu S, địa chỉ số 95 Hoàng Việt, phường T, thành phố V*".

1.3. Buộc UBND thành phố V bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích bị thu hồi là 15,0m^2 đất ở đô thị; bồi thường vật kiến trúc có trên đất đã bị tháo giỡ cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S theo quy định của pháp luật. Vị trí đất, theo "*Trích lục mảnh trích đo địa chính*" do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện ngày 25-6-2020 phục vụ công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm, quyền kháng cáo.

Ngày 22/8/2022, UBND thành phố V kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, đề nghị tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông (bà) Tạ Văn N – Tiêu Thu S yêu cầu hủy Quyết định số 7046/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông, bà Tạ Văn N – Tiêu Thu S tại địa chỉ số 95 Hoàng Việt, phường Thắng Nhì do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, phường T, thành phố V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện (kháng cáo) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông N, bà S, vì: Diện tích đất thu hồi 15,0m^2 không thuộc GCNQSD đất số N 476187 do UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho ông N; không thuộc thửa 323, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính phường 6 do ông N đứng tên kê khai. Tại bản đồ địa chính năm 2002, thì phần diện tích thu hồi này không thuộc thửa 81, tờ số 07 bản đồ địa chính phường Thắng Nhì mà thuộc đường giao thông, đất do Nhà nước quản lý, ông N tự bao chiếm sử dụng và không cung cấp được chứng cứ sử dụng đất, do đó không đủ điều kiện bồi thường theo quy định tại Điều 82 Luật Đất đai năm 2013.

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không đồng ý với ý kiến trình bày và yêu cầu kháng cáo trên của người bị kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm. Lý do: ông N xây nhà có giấy phép, có bản vẽ thiết kế đính kèm, tại thời điểm đó Nhà nước quy hoạch chiều rộng đường hẻm Tự Do là 6m, vỉa hè mỗi bên rộng 2,5m, giới hạn xây dựng cách tim đường là 5,5m. Hiện nay, sau khi quy hoạch thì đường Hoàng Việt mở rộng thành 7m, vỉa hè mỗi bên rộng 4m, giới hạn xây dựng cách tim đường là 7,5m do đó phần đất sử dụng hợp pháp và kiến trúc gắn liền trên đất của ông N bị thu hồi, Nhà nước phải bồi thường cho gia đình ông N.

Tại phần tranh luận:

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V vẫn giữ nguyên ý kiến, quan điểm nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn N và bà Tiêu Thu S.

-Phía người khởi kiện không có ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật. UBND thành phố V kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm bất cứ tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vắng mặt (có đơn đề nghị xử vắng mặt). Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ các quyết định: Quyết định số 7046 ngày 24-12-2020 của UBND thành phố V về việc "Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 8558 ngày 12-7-2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc "Giải quyết khiếu nại" lần đầu; buộc Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu phải giải quyết bồi thường đối với diện tích đất bị thu hồi 15.0m^2 cũng như tài sản trên đất.

Đây là khiếu kiện về các Quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định hành chính bị khiếu kiện: Quyết định số 7046 ngày 24-12-2020 của UBND thành phố V về việc "Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 8558 ngày 12-7-2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc "Giải quyết khiếu nại" lần đầu được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 21, Điều 27, Điều 28, Điều 29 Luật khiếu nại năm 2011.

[4] Xét tính hợp pháp về nội dung của Quyết định hành chính số 7046:

[4.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

[4.1.1] Năm 1988, Phòng Quản lý ruộng đất Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo xác nhận xét cấp cho ông Trần Văn A diện tích 90,0m^2. Theo Sơ đồ vị trí khu đất thì phần diện tích đất cấp này có kích thước 21m x 4,3m = 90,3m^2. Năm 1991, ông A chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S làm nhà ở ổn định cho đến nay. Năm 1992, ông N sử dụng thêm phần đất ở phía sau và đăng ký 100m^2 đất ở được UBND phường 6 chấp nhận cấp "*Giấy chứng nhận đã đăng ký đất đai"* và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất ở từ năm 1992 đến 2013. Năm 1999, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp GCNQSD đất cho gia đình ông N diện tích 96m^2 đất ở.

[4.1.2] Tại Bản thiết kế xây dựng nhà năm 1990 thể hiện: Lòng đường Hoàng Việt rộng 6m (tim đường 3m); từ mép trong của vỉa hè ra tim đường rộng 5,5m. Tại thời điểm này mới có quy hoạch vỉa hè, nhưng khi thiết kế và xây dựng bắt buộc phải trừ phần quy hoạch vỉa hè nên chỉ giới xây dựng cho phép xây cách tim đường 5,5m. Như vậy, diện tích phía trước còn lại chưa mở đường nên vẫn thuộc phần đất đã cấp cho ông A năm 1988 và do gia đình ông N sử dụng từ năm 1990 đến nay.

[4.1.3] Xét về chiều dài của nhà và đất: Theo giấy phép xây dựng và Bản vẽ thiết kế thể hiện tổng cộng chiều dài tính từ chỉ giới xây dựng cho phép là 17m, tính từ trước ra sau, cụ thể: Từ tường rào cổng, sân trước nhà đến tường nhà: 1,5m; nhà chính đến hết phòng khách, phòng ngủ: 9,5m; sân trời giữa nhà, hồ nước: 3,0m; bếp: 3,0m.

Như vậy, chiều dài đất còn lại phía trước nhà một cạnh 3.40m và một cạnh 2.61m = 15m^2. Theo bản vẽ thì phía sau nhà còn khoảng gần 01m đất trống. Tổng cộng đủ 21m theo diện tích đất được cấp năm 1988.

[4.1.4] Về vị trí xây dựng nhà: Tường nhà phía mặt tiền có điểm gốc bên trái nhìn phía ngoài vào cách lề đường là 3,5m; còn điểm gốc bên phải nhìn phía ngoài vào không thể hiện cách lề đường bao nhiêu mét, nhưng khoảng cách rộng hơn 3,5m. Hiện nay, sau khi bị giải tỏa tháo dỡ nhà thì điểm góc tường nhà bên trái bị tháo dỡ toàn bộ, còn điểm góc tường nhà bên phải ngoài đường nhìn vào vẫn còn giữ nguyên, nằm sát cạnh trong của vỉa hè đường mới mở (không bị ảnh hưởng)**.**

[4.2] Do đó, có căn cứ để khẳng định: Diện tích đất ông A được cấp năm 1988 là 90,3m^2 (4,3m x 21,0m); Sơ đồ bản vẽ thiết kế xây dựng nhà và thực tế thi công xây dựng cách tim đường là 5,5m. Diện tích, kích thước chiều dài nhà 17,0m x 4,3m = 73,10m^2 (cộng cả sân trời giữa nhà 12,9m^2) là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch xây dựng và quy hoạch giao thông và diện tích đất được cấp còn lại là 14,75m^2 (tương đương 15,0m^2) là phần trước nhà. Điều này hoàn tòan phù hợp với diện tích hiện nay đã có quyết định thu hồi, giải tỏa để nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt là 15,0m^2. Năm 1999, khi UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp GCNQSD đất cho gia đình ông N diện tích 96m^2 đất ở là đã căn cứ bản quy hoạch mở đường Hoàng Việt và đã trừ phần diện tích dự kiến mở đường (tương đương với diện tích đất còn lại hiện nay của gia đình ông N là 95,89m^2).

[4.3] Như vậy, phần diện tích đất phía mặt tiền đường đã cấp cho ông A năm 1988 chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền, cũng không có văn bản tự nguyện hiến đất của phía gia đình ông N. Nên, khi UBND thu hồi đất để mở rộng đường thì UBND phải thực hiện việc bồi thường về giá trị đất cho người sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm đã chấp

nhận yêu cầu của người khởi kiện hủy Quyết định số 7046 là có cơ sở. Yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V cũng như ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V cho rằng diện tích đất thu hồi 15 m^2 không thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông N mà thuộc đất giao thông, do Nhà nước quản lý, nên khi thu hồi không bồi thường là không có cơ sở chấp nhận.

[4.4] Đối với diện tích đất gia đình ông N đăng ký kê khai và thực hiện đóng thuế đất ở diện tích 100m^2. Theo ông N trình bày, do gia đình sử dụng thêm phần diện tích đất phía sau nhà nên diện tích tăng lên so với quyết định cấp đất cho ông A trước đây. Trong vụ án này không có tranh chấp, khiếu kiện đối với diện tích tăng thêm này; trong quyết định thu hồi đất cũng chỉ thu hồi đất 15m^2 ở vị trí phía trước nhà, không liên quan nên cấp sơ thẩm không xét phần này là phù hợp.

[5] Về yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 8558 và buộc UBND thành phố V bồi thường cho gia đình ông N, bà S về tài sản bị tháo giỡ khi thu hồi đất:

[5.1] Như đã phân tích trên, do việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 7046 là không phù hợp qui định của pháp luật nên việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 8558 bác khiếu nại đối với hộ ông N, bà S là không đúng của pháp luật.

[5.2] Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện hủy quyết định số 8558 là đúng pháp luật. Ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ tịch UBND thành phố V đề nghị giữ nguyên Quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Từ phân tích từ mục [3] đến mục [6] xét thấy Bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã giải quyết chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn N là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Uỷ ban nhân dân thành phố V không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Uỷ ban nhân dân thành phố V. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[7] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Uỷ ban nhân dân thành phố V, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ý kiến phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với chứng cứ và nhận định trên của Hội đồng xét xử.

[8]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo - Uỷ ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Uỷ ban nhân dân thành phố V.

2. Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 70/2022/HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn N và bà Tiêu Thu S;

2.2. Hủy Quyết định số 7046/QĐ-UBND ngày 24-12-2020 của Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S, địa chỉ thu hồi đất: số 95 Hoàng Việt, phường T, thành phố V, do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Nâng cấp, mở rộng đường Hoàng Việt, phường T, thành phố V".

2.3. Hủy Quyết định số 8558/QĐ-UBND ngày 12-07-2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố V về việc "Giải quyết khiếu nại của ông (bà) Tiêu Thu S, địa chỉ số 95 Hoàng Việt, phường T, thành phố V".

2.4. Buộc UBND thành phố V bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với diện tích bị thu hồi là 15,0m^2 đất ở đô thị; bồi thường vật kiến trúc có trên đất đã bị tháo giỡ cho ông (bà) Tạ Văn N - Tiêu Thu S theo quy định của pháp luật. Vị trí đất, theo "Trích lục mảnh trích đo địa chính" do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện ngày 25-6-2020 phục vụ công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2.5. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, mỗi đương sự phải nộp 300.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Tạ Văn N và bà Tiêu Thu S số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000116 ngày 10/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Uỷ ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) UBND thành

phố V đã nộp theo biên lai thu số 0000587 ngày 13/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi cấn trừ, UBND thành phố V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Nơi nhận:
-TAND tối cao (1);
-TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
-VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM (1);
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (1);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP, 16b, PMT.